TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tiện; Ông Lò Văn Viễn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La: Tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46 /2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 39/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cà Thị H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản C, xã C, sinh năm 1984, nơi ĐKHKTT: Bản C, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12/5/2023 và bản tự khai ngày 12/5/2023 nguyên đơn chị Cà Thị H trình bày:

Chị và anh T qua thời gian tìm hiểu kết hôn với nhau từ ngày 23 tháng 8 năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung

sống tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hai vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm. Vì nguyên nhân như vậy nên chị H thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh T được nữa nên chị đề nghị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Long N, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2007 và Hà Nhật C, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2015. Nếu ly hôn chị Hcó nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con và không đề nghị anh Tphải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Hà Văn T trong quá trình giải quyết vụ án: Anh T không hợp tác để giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp lập biên bản niên yết tại địa phương nhưng anh Tvẫn không có mặt tại tòa án để làm việc, vì vậy tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu quan điểm nội dụng vu án:

- Về nội dung vụ án: Chị Hvà anh Tcó đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 8 năm 2007, trên cơ sở tự nguyện do UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn. Căn cứ các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn thì đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và đang sống ly thân.

- Quan điểm giải quyết nội dụng vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hvà anh T đã trầm trọng, việc nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình ly hôn theo yêu cầu một bên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Cà Thị H, tuyên xử cho chị Cà Thị Hđược ly hôn với anh Hà Văn T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là là Hà Long N, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2007 và Hà Nhật C, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2015 cho chị Cà Thị Hnuôi dưỡng và chăm sóc, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHvụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí xét xử sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền tố tụng:

Bị đơn Hà Văn T có hộ khẩu thường trú tại Bản C, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với anh Hà Văn T, quá trình giải quyết vụ án không có sự hợp tác để giải quyết toàn bộ nội dụng vụ án. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp lập biên bản niên yết tại địa phương, cùng chính quyền địa phương giao các văn bản của tòa án cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị Hkết hôn với anh Hà Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị H và anh T sống không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng luôn bất hoà do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng tHxuyên mâu thuẫn, cãi cọ. Sự việc đã được hai bên gia đình góp ý, khuyên bảo nhưng không kết quả. Anh, chị đã sống ly thân được 02 năm nay, hiện anh T đang không có mặt tại địa phương. Theo chính quyền địa phương cho biết anh T đi đâu không rõ vì không cắt khẩu và không xin phép, thỉnh thoảng lại về nhà, sau đó lại đi, hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc cho chị Hly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên cần giao 02 cháu là Hà Long N, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2007 và Hà Nhật C, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2015 cho chị Cà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H không kê khai, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHvụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Cà Thị H. Xử cho chị Cà Thị H được ly hôn anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là là Hà Long N, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2007 và Hà Nhật C, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2015 cho chị Cà Thị Htrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Hà T không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục các con không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Cà Thị H phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/ 0003064 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Toà án tỉnh;
- Viện Kiểm sát;
- THADS;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xê C.
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Quyết